TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 11-10-2019
V/v tranh chấp: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trà Thanh Tùng
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Hoàng Minh Tân
Bà Nguyễn Thị Hồng Nga.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đình Nam-Thư ký Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Bà Trần Phi Phi-Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 256/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Cẩm H, sinh năm 1979, địa chỉ: Tổ 13, phường NC, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Bạch Văn T, sinh năm 1978, địa chỉ: Tổ 13, phường NC, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22-6-2019, các bản tự khai ngày 21-8-2019, ngày 28-8-2019, ngày 24-9-2019 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Trần Thị Cẩm H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Bạch Văn T tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn tại UBND phường NC, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 01-6-2000. Sau khi đăng ký kết hôn cho đến năm 2011 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân ông T không lo làm ăn mà thường xuyên cờ bạc, nhậu nhẹt, ngoại tình làm cho vợ chồng bất hòa, cãi vả thường xuyên. Hai bên gia đình khuyên giải nhưng ông T không thay đổi mà còn vào ngày 18-12-2016 ông T đánh bà gây thương tích. Tháng 09/2018 bà nộp đơn khởi kiện xin ly hôn ông T nhưng được Tòa án động viên bà rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ nhưng từ đó đến nay vợ chồng không đoàn tụ được. Nay bà không còn tình cảm với ông T nữa, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Bạch Văn T.

Về con chung: Bà và ông Bạch Văn T có 02 con chung là Bạch Chí T, sinh ngày 01-6-2001 và cháu Bạch Thị Thu T, sinh ngày 02-10-2005. Khi ly hôn

Tài đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết, đối với cháu Bạch Thị Thu T bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 800.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10-2019 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Bạch Văn T không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48, Điều 97, Điều 196, Điều 203, Điều 208, Điều 211, Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Cẩm H. Bà Trần Thị Cẩm H ly hôn ông Bạch Văn T. Về con chung: Bà Trần Thị Cẩm H và ông Bạch Văn T có 02 con chung là cháu Bạch Chí T, sinh ngày 01-6-2001 và cháu Bạch Thị Thu T, sinh ngày 02/10/2005. Khi ly hôn cháu T đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết, đối với cháu Bạch Thị Thu T giao cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con phù hợp với quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà H phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Bạch Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Cẩm H và ông Bạch Văn T tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn tại UBND phường NC, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 01-6-2000 là hợp pháp. Bà H cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông T không lo làm ăn mà thường xuyên cờ bạc, nhậu nhẹt, ngoại tình làm cho vợ chồng bất hòa, cãi vả thường xuyên, nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn với ông Bạch Văn T. Bị đơn ông Bạch Văn T không đến Tòa án để làm việc, hòa giải, không đến phiên tòa để trình bày, cho thấy ông T không có nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên phải chịu hậu quả về việc không đưa ra các chứng cứ và chứng minh theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét thấy, lý do xin ly hôn của bà H chính đáng, tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H, bà Trần Thị Cẩm H được ly hôn với ông Bạch Văn T.

[3] Về con chung: Bà và ông Bạch Văn T có 02 con chung là Bạch Chí T, sinh ngày 01-6-2001 và cháu Bạch Thị Thu T, sinh ngày 02-10-2005. Khi ly hôn

T đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết, đối với cháu Bạch Thị Thu T sức khỏe vẫn tốt. Bà H có nghề nghiệp thu nhập ổn định, đảm bảo điều kiện để nuôi cháu T, khi cha mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu T ở với bà Hà. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của con, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, giao cháu T cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng, ông T phải cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 800.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10-2019 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải.

[5] Về nợ chung: Bà H trình bày không có.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Bà H phải chịu 300.000 đồng. Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Với những nhận định trên phù hợp với ý kiến đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Cẩm H.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Cẩm H ly hôn với ông Bạch Văn T.

2/ Về con chung: Bà Trần Thị Cẩm H và ông Bạch Văn T có 02 con chung là Bạch Chí T, sinh ngày 01-6-2001 và cháu Bạch Thị Thu T, sinh ngày 02-10-2005. Khi ly hôn Bạch Chí T đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết. Giao cháu Bạch Thị Thu T cho bà Trần Thị Cẩm H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ông Bạch Văn T phải cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 800.000 đồng (tám trăm ngàn đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10-2019 cho đến khi cháu Bạch Thị Thu T đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4/ Về nợ chung: Bà Trần Thị Cẩm H trình bày không có.

5/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Cẩm H phải chịu 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà H đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số:

AA/2018/0001364 ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi. Ông Bạch Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

6/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tp Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS tp Quảng Ngãi;
- UBND phường Nghĩa Chánh, TP. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Trà Thanh Tùng